

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G-TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày 25/5/2023

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuấn và bà Trần Thị Lịch

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Cường, Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Ông Phùng Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 25/5/2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/4/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/ QĐST – HNGĐ ngày 25/4/2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị L, sinh năm 1988; Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Phan Duy T, sinh năm 1981; Vắng mặt

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn M, xã N, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai, nguyên đơn là chị Đinh Thị L trình bày:

Chị kết hôn với anh Phan Duy T ngày 19/02/2008 tại UBND xã N. Trước khi kết hôn, anh chị có thời gian tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại thôn M, xã N, huyện G.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2010 vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T cờ bạc, nợ nần. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Khi ly thân chị đi làm ăn ở Lạng Sơn và ở tại đó. Anh T vẫn ở M, N. Do thời gian ly thân đã lâu, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên chị xin ly hôn anh T.

Con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Phan Thị Ly A, sinh ngày 03/9/2008 và Phan Hải A, sinh ngày 15/9/2014. Hiện các cháu khỏe mạnh và đang ở với anh T. Ly hôn chị xin nuôi cháu Ly A. Anh T nuôi cháu Hải A. Cấp dưỡng nuôi con hai bên không phải đóng góp cho nhau. Hai bên cùng có quyền đi lại thăm con. Chị hiện kinh doanh tự do có thu nhập hàng tháng nên có đủ điều

kiện để nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung không có nên chị không đề nghị tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phan Duy T vắng mặt tại các buổi làm việc mà tòa án triệu tập. Quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bị đơn. Anh T xác định vợ chồng kết hôn có thời gian tìm hiểu và được đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã N năm 2008. Sau đó vợ chồng cùng đi làm ăn kinh tế ở Lạng Sơn. Năm 2019 anh cho các con về N để đi học, còn chị L vẫn ở Lạng Sơn làm ăn. Thời gian gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không còn tiếng nói chung, bất hòa, mỗi người ở một nơi. Chị L xin ly hôn anh không đồng ý. Anh có nguyện vọng đoàn tụ nhưng không có phương án đoàn tụ cụ thể.

Con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Phan Thị Ly A, sinh ngày sinh ngày 03/9/2008 và Phan Hải A, sinh ngày 15/9/2014. Hiện các cháu khỏe mạnh và ở với anh. Trường hợp Tòa án cho ly hôn anh xin nuôi cả 2 con, không đề nghị chị L cấp dưỡng. Anh xác định anh và chị L cùng có thu nhập và cùng có khả năng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung không đề nghị tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tiến hành lấy lời khai của mẹ đẻ anh Phan Duy T là bà Nguyễn Thị H xác định anh T, chị L kết hôn đúng quy định của pháp luật. Mâu thuẫn giữa chị L, anh T thế nào bà không biết nhưng khoảng 1 – 2 năm nay bà thấy anh T, chị L không hạnh phúc. Bà đã khuyên hai con nhưng không có kết quả. Bà đề nghị tòa án tạo điều kiện cho chị L, anh T đoàn tụ.

Qua xác minh tại UBND xã N xác định chị L và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã N ngày 19/02/2008. Sau khi kết hôn chị L, anh T về chung sống tại thôn M, xã N, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Gần đây, chị L, anh T xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp. Con chung: Chị L, anh T có 02 con chung, hiện các cháu đang ở cùng anh T. Nay chị L xin ly hôn anh T và giải quyết việc nuôi dưỡng con chung đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh T vắng mặt nên không hòa giải thành.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn tham gia phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử nhưng đã được tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 9, 19, 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; xét xử:

- Chị Đinh Thị L được ly hôn anh Phan Duy T.

- Con chung: Giao con chung là cháu Phan Thị Ly A, sinh ngày 03/9/2008 cho chị Đinh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Giao con chung là cháu Phan Hải A, sinh ngày 15/9/2014 cho anh Phan Duy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L, anh T cùng có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

- Án phí: Chị Đinh Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn cùng có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện G, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án huyện G thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh Phan Duy T vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đối với anh T theo quy định của pháp luật. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị L và anh Phan Duy T kết hôn ngày 19/02/2008, được UBND xã N, huyện G cho đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa anh và chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Vợ chồng đã sống ly thân gần 5 năm nay. Anh T xác định vợ chồng có mâu thuẫn, đã sống ly thân nhưng anh không đồng ý ly hôn mà mong muốn đoàn tụ nhưng bản thân anh không đưa ra được bất kỳ phương án nào để vợ chồng đoàn tụ mà chỉ có lời trình bày. Tòa án đã triệu tập hòa giải nhưng anh T vắng mặt. Gia đình anh T cũng xác định chị L, anh T có mâu thuẫn và đã sống ly thân. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian sống ly thân đã lâu nên cần xử cho chị L được ly hôn anh T.

Con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Phan Thị Ly A, sinh ngày 03/9/2008 và Phan Hải A, sinh ngày 15/9/2014. Hiện các cháu khỏe mạnh và đang

ở với anh T. Quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh T cùng xin nuôi cả hai con. Hai cháu Ly A và Hải A cùng có nguyện vọng ở với mẹ. Tuy nhiên tại phiên tòa chị L xin nuôi cháu Ly A để anh T nuôi cháu Hải A. Xét điều kiện nuôi con của chị L và anh T như nhau nên cần giao cho chị L, anh T mỗi người nuôi 01 con là phù hợp. Do cháu Ly A đang tuổi dậy thì cần sự chia sẻ, quan tâm nhiều hơn của mẹ, nên giao cháu Ly A cho chị L nuôi dưỡng, giao cháu Hải A cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: các đương sự không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Án phí: Chị Đinh Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 144, 147, 228; 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 19, 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị L được ly hôn anh Phan Duy T

- Con chung: Giao con chung là cháu Phan Thị Ly A, sinh ngày 03/9/2008 cho chị Đinh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Giao con chung là cháu Phan Hải A, sinh ngày 15/9/2014 cho anh Phan Duy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L, anh T cùng có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản, nợ chung: không xem xét giải quyết

2. Án phí: Chị Đinh Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2021/0007155 ngày 20/3/2023, của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án, VKS tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS huyện G;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã N
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Minh Nguyệt

